| | |
|---|---|
| BỘ CÔNG THƯƠNG<br>**CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 11 /QĐ-ĐTĐL | *Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2016* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Ban hành Quy trình điều chỉnh sản lượng hợp đồng

## CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

Căn cứ Quyết định số 153/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tiết điện lực thuộc Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh;

Căn cứ Thông tư số 51/2015/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thị trường điện lực,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình điều chỉnh sản lượng hợp đồng hướng dẫn thực hiện Thông tư số 30/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư số 51/2015/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện.

**Điều 2**. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3**. Chánh Văn phòng Cục, các Trưởng phòng, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu phát triển thị trường điện lực và Đào tạo thuộc Cục Điều tiết điện lực, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Giám đốc đơn vị điện lực và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Hoàng Quốc Vượng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VP, PC, TTĐL.

**CỤC TRƯỞNG**

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

**Nguyễn Anh Tuấn**

BỘ CÔNG THƯƠNG
**CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# QUY TRÌNH
## Điều chỉnh sản lượng hợp đồng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11 /QĐ-ĐTĐL ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực)*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định nguyên tắc, phương pháp, trình tự và trách nhiệm của các đơn vị trong việc điều chỉnh sản lượng hợp đồng của các đơn vị phát điện trực tiếp giao dịch trong thị trường phát điện cạnh tranh.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với các đơn vị sau đây:

1. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

2. Đơn vị mua buôn duy nhất.

3. Đơn vị phát điện.

4. Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy trình này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ quan nhà nước có thẩm quyền* là cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh trở lên hoặc Đơn vị được ủy quyền và có thẩm quyền quyết định trong việc sử dụng nước hạ du của các hồ chứa thủy điện dẫn tới thay đổi lịch sửa chữa của tổ máy phát điện.

2. *Đơn vị mua buôn duy nhất* là Đơn vị mua điện duy nhất trong thị trường điện, có chức năng mua toàn bộ điện năng qua thị trường điện và qua hợp đồng mua bán điện.

3. *Đơn vị phát điện* là đơn vị sở hữu một hoặc nhiều nhà máy điện tham gia thị trường điện và ký hợp đồng mua bán điện cho các nhà máy điện này với Đơn vị mua buôn duy nhất.

4. *Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện* là đơn vị chỉ huy điều khiển quá trình phát điện, truyền tải điện, phân phối điện trong hệ thống điện quốc gia, điều hành giao dịch thị trường điện.

5. *Khởi động và hòa lưới thành công* là sự kiện tổ máy hoàn thành lệnh hòa lưới tổ máy theo lệnh của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và có sản lượng đo đếm trong tối thiểu 01 chu kỳ giao dịch có liên quan.

6. *Năm N* là năm hiện tại vận hành thị trường điện, được tính theo năm dương lịch.

7. *Sản lượng hợp đồng giờ (Qc giờ)* là sản lượng điện năng được phân bổ cho từng chu kỳ giao dịch và được thanh toán theo hợp đồng mua bán điện dạng sai khác.

8. *Sản lượng hợp đồng năm (Qc năm)* là sản lượng điện năng cam kết hàng năm trong hợp đồng mua bán điện dạng sai khác.

9. *Sản lượng hợp đồng tháng (Qc tháng)* là sản lượng điện năng được phân bổ từ sản lượng hợp đồng năm cho từng tháng.

10. *Sản lượng phát quy đổi của nhà máy điện* là sản lượng được tính toán bằng sản lượng thực phát nhân với tỷ lệ sản lượng thanh toán theo giá hợp đồng (α).

11. *Sản lượng dự kiến huy động quy đổi tại điểm giao nhận* là tích của sản lượng dự kiến huy động tại điểm giao nhận nhân với tỷ lệ sản lượng thanh toán theo giá hợp đồng (α).

12. *Sự cố tổ máy* là sự kiện tổ máy đang phát điện bị ngừng phát điện do sự cố máy phát, lò máy, tuabin hoặc các thiết bị phụ trợ liên quan.

13. *Tháng M* là tháng vận hành thị trường điện hiện tại, được tính theo tháng dương lịch.

## Chương II

## ĐIỀU CHỈNH SẢN LƯỢNG HỢP ĐỒNG THÁNG

### Điều 4. Các trường hợp được xem xét điều chỉnh Qc tháng

1. Sản lượng hợp đồng tháng M+1 của các nhà máy điện (sản lượng đã được ký kết từ đầu năm) được xem xét điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Lịch bảo dưỡng sửa chữa của nhà máy trong tháng M+1 bị thay đổi so với kế hoạch vận hành năm trong trường hợp:

- Theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để đảm bảo an ninh hệ thống điện không phải do các nguyên nhân của nhà máy;

- Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thống nhất căn cứ vào điều kiện vận hành thực tế của hệ thống.

b) Thủy văn thực tế của các nhà máy thủy điện khác biệt lớn so với dự báo thủy văn sử dụng trong tính toán lập kế hoạch;

c) Sản lượng khả dụng tháng M+1 của nhà máy điện không đảm bảo sản lượng hợp đồng tháng;

d) Tổ máy được điều chỉnh lịch sửa chữa trong tháng M và đáp ứng các điều kiện sau:

- Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện điều chỉnh lịch sửa chữa do lý do an ninh hệ thống;

- Thời điểm bắt đầu sửa chữa theo lịch sửa chữa điều chỉnh sớm hơn so với thời điểm bắt đầu sửa chữa trong kế hoạch tháng M;

- Thời điểm kết thúc sửa chữa theo lịch sửa chữa điều chỉnh không nằm trong tháng M.

2. Sản lượng hợp đồng giờ đã được ký kết trong tháng M và các tháng trước trong năm N của các nhà máy điện không điều chỉnh trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này và Điều 10 Quy trình này.

**Điều 5. Nguyên tắc điều chỉnh Qc tháng trong trường hợp lịch bảo dưỡng sửa chữa của nhà máy trong tháng M+1 bị thay đổi**

Nguyên tắc điều chỉnh Qc tháng như sau:

1. Qc tháng được điều chỉnh không vượt sản lượng khả dụng đã tính đến kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa thay đổi.

2. Qc tháng của các tháng có lịch sửa chữa thay đổi được điều chỉnh bằng cách dịch chuyển giữa các tháng phần sản lượng Qc tương ứng với thời gian sửa chữa bị dịch chuyển, đảm bảo tổng Qc năm không đổi trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản này. Cụ thể như sau:

a) Phần sản lượng Qc giảm tương ứng với thời gian sửa chữa bị dịch chuyển làm giảm khả dụng của tháng i được tính bằng công thức sau:

$$\Delta Qc_i = \left(1 - \frac{T_s}{T_t}\right) Qc_i$$

Trong đó:

$\Delta Qc_i$: Phần sản lượng Qc điều chỉnh giảm của tháng i;

$T_s$: Tổng thời gian khả dụng tháng i của các tổ máy trong nhà máy theo lịch sửa chữa thay đổi;

$T_t$: Tổng thời gian khả dụng tháng i của các tổ máy trong nhà máy theo lịch sửa chữa trong kế hoạch năm;

$Qc_i$: Sản lượng hợp đồng tháng i theo theo kế hoạch vận hành thị trường điện năm của nhà máy.

b) Phần sản lượng Qc tăng tương ứng với thời gian sửa chữa bị dịch chuyển của tháng làm tăng khả dụng được tính bằng công thức sau:

$$\Delta Qc = \sum \Delta Qc_i$$

Trong đó:

ΔQc: Phần sản lượng Qc tăng tương ứng bị dịch chuyển;

$\Delta Qc_i$: Phần sản lượng Qc điều chỉnh tăng của tháng i.

3. Trường hợp nhà máy bị thay đổi lịch bảo dưỡng sửa chữa vào tháng cuối năm thì không dịch chuyển sản lượng Qc tương ứng với thời gian sửa chữa của tháng này vào năm tiếp theo.

4. Trước ngày 22 hàng tháng, căn cứ vào kết quả đánh giá an ninh hệ thống tháng tới và yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc thay đổi lịch bảo dưỡng sửa chữa của nhà máy điện, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa làm cơ sở cho lập kế hoạch vận hành thị trường điện tháng tới. Trường hợp phát sinh việc thay đổi kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa sau ngày 25 hàng tháng thì không điều chỉnh Qc tháng tiếp theo của nhà máy điện.

**Điều 6. Điều chỉnh Qc tháng trong trường hợp thủy văn thực tế khác biệt lớn so với dự báo thủy văn sử dụng trong tính toán lập kế hoạch**

1. Nhà máy thủy điện có hồ chứa điều tiết trên 01 tuần (trừ các nhà máy thủy điện được áp dụng cơ chế chào giá như nhà máy thủy điện có hồ chứa dưới 02 ngày) được xem xét điều chỉnh sản lượng hợp đồng các tháng tiếp theo khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Trường hợp 1

- Lưu lượng nước về bình quân tính từ ngày 01 tháng 01 năm N đến ngày 20 tháng M chênh lệch +50% so với lưu lượng nước về dự báo được sử dụng trong công tác lập kế hoạch vận hành năm tới;

- Sản lượng phát tại điểm giao nhận quy đổi của nhà máy điện từ ngày 01 tháng 01 năm N đến ngày 20 tháng M chênh lệch +20% so với sản lượng hợp đồng lũy kế. Sản lượng phát quy đổi của nhà máy điện được tính toán bằng sản lượng thực phát nhân với tỷ lệ sản lượng thanh toán theo giá hợp đồng;

- Dung tích hữu ích đầu kỳ dự kiến của tháng tới chênh lệch +10% so dung tích hữu ích hồ đầu tháng tính toán trong kế hoạch năm;

- Sản lượng hợp đồng tháng M+1 thấp hơn 10% so với sản lượng dự kiến huy động quy đổi tại điểm giao nhận trong kế hoạch vận hành tháng M+1 đã

được phê duyệt.

b) Trường hợp 2

- Lưu lượng nước về bình quân tính từ ngày 01 tháng 01 năm N đến ngày 20 tháng M chênh lệch -50% so với lưu lượng nước về dự báo được sử dụng trong công tác lập kế hoạch vận hành năm tới;

- Sản lượng phát tại điểm giao nhận quy đổi của nhà máy điện từ ngày 01 tháng 01 năm N đến ngày 20 tháng M chênh lệch -20% so với sản lượng hợp đồng lũy kế. Sản lượng phát quy đổi của nhà máy điện được tính toán bằng sản lượng thực phát nhân với tỷ lệ sản lượng thanh toán theo giá hợp đồng;

- Dung tích hữu ích đầu kỳ dự kiến của tháng tới chênh lệch -10% so dung tích hữu ích hồ đầu tháng tính toán trong kế hoạch năm;

- Sản lượng hợp đồng tháng M+1 cao hơn 10% so với sản lượng dự kiến huy động quy đổi tại điểm giao nhận trong kế hoạch vận hành tháng M+1 đã được phê duyệt.

2. Đơn vị phát điện có trách nhiệm công bố lưu lượng nước về và mực nước hồ chứa thủy điện thực tế hàng ngày lên trang thông tin điện tử phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo quy định tại Quy trình quản lý vận hành hệ thống công nghệ thông tin điều hành thị trường điện và công bố thông tin thị trường điện do Cục Điều tiết điện lực ban hành. Đơn vị phát điện chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu do Đơn vị mình cung cấp.

3. Ngày 21 hàng tháng, Đơn vị phát điện có trách nhiệm dự kiến mức nước hồ chứa đầu tháng M+1 và tính toán dự kiến dung tích hữu ích hồ chứa tại thời điểm đầu tháng M+1. Đơn vị phát điện và Đơn vị mua buôn duy nhất có trách nhiệm phối hợp xem xét, đối chiếu các số liệu căn cứ các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này và có ý kiến đề xuất phương án điều chỉnh Qc tháng M+1 với Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

4. Sản lượng hợp đồng tháng M+1 của Đơn vị phát điện được xem xét điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này bằng sản lượng dự kiến huy động quy đổi tại điểm giao nhận được tính toán theo phương thức tháng đã được Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt, đồng thời không vượt sản lượng khả dụng và không điều chỉnh vào các tháng tiếp sau.

**Điều 7. Điều chỉnh Qc tháng trong trường hợp sản lượng khả dụng tháng M+1 của nhà máy điện không đảm bảo sản lượng hợp đồng tháng**

Trong trường hợp sản lượng khả dụng tháng M+1 của nhà máy điện không đảm bảo sản lượng hợp đồng tháng thì sản lượng hợp đồng tháng được điều chỉnh bằng sản lượng khả dụng tháng đó và phần sản lượng thiếu hụt do điều chỉnh được phân bổ vào các tháng cuối năm N theo tỷ lệ sản lượng hợp

đồng tháng đã được Cục Điều tiết điện lực phê duyệt và không vượt quá sản lượng khả dụng.

**Điều 8. Điều chỉnh Qc tháng M+1 trong trường hợp Tổ máy được điều chỉnh lịch sửa chữa trong tháng M**

Trong trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 4 Quy trình này, sản lượng hợp đồng giờ trong thời gian lịch sửa chữa điều chỉnh của tháng M lớn hơn sản lượng khả dụng được điều chỉnh theo lịch sửa chữa thì sản lượng hợp đồng giờ được điều chỉnh bằng sản lượng khả dụng và phần sản lượng hợp đồng thiếu hụt của tháng M được phân bổ vào sản lượng hợp đồng tháng có thời điểm kết thúc lịch sửa chữa điều chỉnh theo phê duyệt lịch sửa chữa.

**Điều 9. Công bố và xác nhận sản lượng hợp đồng tháng điều chỉnh**

1. Vào ngày 22 hàng tháng, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện tổng hợp, báo cáo Tập đoàn Điện lực Việt Nam các trường hợp quy định tại Điều 4 Quy trình này.

2. Vào ngày 23 hàng tháng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam tổng hợp, báo cáo Cục Điều tiết điện lực các trường hợp xem xét điều chỉnh sản lượng hợp đồng tháng M+1 và các tháng tiếp theo trong năm N.

3. Vào ngày 25 hàng tháng, Cục Điều tiết điện lực căn cứ trên báo cáo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, kế hoạch vận hành tháng M+1, tình hình thực tế của hệ thống và từng đơn vị để xem xét phê duyệt điều chỉnh sản lượng hợp đồng tháng M+1 và các tháng tiếp theo trong năm N cho nhà máy điện.

4. Vào ngày 25 hàng tháng, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường có trách nhiệm công bố sản lượng hợp đồng các tháng điều chỉnh đã được Cục điều tiết điện lực phê duyệt lên trang thông tin điện tử thị trường điện theo Quy trình quản lý vận hành hệ thống công nghệ thông tin điều hành thị trường điện và công bố thông tin thị trường điện do Cục Điều tiết điện lực ban hành.

5. Trước ngày cuối cùng hàng tháng, Đơn vị mua buôn duy nhất và Đơn vị phát điện trực tiếp giao dịch có trách nhiệm ký xác nhận Qc giờ tháng M+1 tại điểm giao nhận và Qc tháng M+1 và các tháng tiếp theo trong năm N đã được điều chỉnh (nếu có) theo phê duyệt của Cục Điều tiết điện lực.

## Chương III
## ĐIỀU CHỈNH SẢN LƯỢNG HỢP ĐỒNG GIỜ

**Điều 10. Các trường hợp được xem xét điều chỉnh sản lượng hợp đồng giờ**

Sản lượng hợp đồng giờ của các nhà máy điện được xem xét điều chỉnh

trong các trường hợp sau:

1. Tổ máy bị sự cố với thời gian sự cố lớn hơn 72 giờ;

2. Thời gian sửa chữa của tổ máy kéo dài so với kế hoạch đã được phê duyệt và được đưa vào tính sản lượng hợp đồng giờ.

**Điều 11. Điều chỉnh sản lượng hợp đồng giờ của nhà máy điện trong trường hợp thời gian sự cố của tổ máy của nhà máy điện lớn hơn 72 giờ**

Trường hợp tổ máy của nhà máy bị sự cố, sản lượng hợp đồng giờ (Qc giờ) của nhà máy được điều chỉnh như sau:

1. Chu kỳ kế tiếp sau chu kỳ có thời điểm tổ máy bị sự cố được tính là chu kỳ giao dịch thứ nhất để xác định thời gian sự cố của tổ máy của nhà máy điện lớn hơn 72 giờ.

2. Trường hợp thời điểm tổ máy trả lại trạng thái dự phòng sau sự cố quá 72 chu kỳ giao dịch:

a) Trong giai đoạn từ thời điểm sự cố đến chu kỳ giao dịch thứ 72: Giữ nguyên sản lượng hợp đồng (Qc) đã phân bổ cho nhà máy điện;

b) Trong giai đoạn từ chu kỳ giao dịch thứ 73 đến khi tổ máy khắc phục sự cố và khả dụng:

- Trường hợp sản lượng phát thực tế tại điểm giao nhận (Qmq) của nhà máy nhỏ hơn sản lượng hợp đồng (Qc) nhà máy trong giai đoạn này, thực hiện điều chỉnh sản lượng hợp đồng giờ bằng sản lượng Qmq của nhà máy điện;

- Trường hợp Qmq của nhà máy điện lớn hơn hoặc bằng Qc nhà máy điện trong giai đoạn này, không điều chỉnh Qc nhà máy điện.

3. Trường hợp thời điểm tổ máy trả lại trạng thái dự phòng sau sự cố trong vòng 72 chu kỳ giao dịch và lần khởi động sau khi trả lại trạng thái dự phòng là khởi động và hòa lưới thành công: Không điều chỉnh sản lượng hợp đồng (Qc) của nhà máy điện này.

**Điều 12. Điều chỉnh sản lượng hợp đồng giờ của nhà máy điện trong trường hợp kéo dài sửa chữa**

Trường hợp tổ máy của nhà máy kéo dài thời gian sửa chữa so với kế hoạch đã được phê duyệt và được đưa vào tính sản lượng hợp đồng giờ, sản lượng hợp đồng giờ của nhà máy trong các chu kỳ kéo dài sửa chữa được điều chỉnh như sau:

1. Trong các chu kỳ kéo dài sửa chữa, chu kỳ mà sản lượng phát thực tế tại điểm giao nhận (Qmq) của nhà máy nhỏ hơn Qc giờ của nhà máy thì điều chỉnh sản lượng hợp đồng giờ tại các chu kỳ đó bằng sản lượng Qmq của nhà máy.

2. Trong các chu kỳ kéo dài sửa chữa, chu kỳ mà sản lượng phát thực tế tại điểm giao nhận (Qmq) của nhà máy lớn hơn hoặc bằng Qc giờ của nhà máy thì không điều chỉnh sản lượng hợp đồng giờ tại các chu kỳ đó.

**Điều 13. Công bố và xác nhận sản lượng hợp đồng giờ điều chỉnh**

1. Đơn vị phát điện và Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm xác nhận thời gian sửa chữa và sự cố kéo dài theo quy định tại Quy trình phối hợp xác nhận các sự kiện phục vụ các khoản thanh toán trên thị trường điện và Quy trình phối hợp đối soát số liệu thanh toán giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, các đơn vị phát điện và Đơn vị mua buôn duy nhất.

2. Đơn vị mua buôn duy nhất và Đơn vị phát điện trực tiếp giao dịch có trách nhiệm ký xác nhận sản lượng hợp đồng tháng và sản lượng hợp đồng giờ tháng M-1 được điều chỉnh./.

**CỤC TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Anh Tuấn**